

# THỰC TRẠNG CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI ĐÀO TẠO CỬ NHÂN CHUYÊN NGÀNH ĐIỀN KINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Vũ Quỳnh Như<sup>(1)</sup>  
Nguyễn Đăng Điệp<sup>(2)</sup>; Bạch Phương Thảo<sup>(2)</sup>

## Tóm tắt:

Bằng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường được sử dụng trong lĩnh vực TDTT, chúng tôi đã tìm hiểu thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới đào tạo cử nhân chuyên ngành Điền kinh Trường Đại học TDTT Bắc Ninh gồm: Thực trạng đối tượng học tập; Thực trạng phân phối thời gian chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Điền kinh; Thực trạng đội ngũ giảng viên giảng dạy chuyên ngành và thực trạng xu hướng phát triển và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực. Kết quả cho thấy, số lượng sinh viên tham gia đăng ký học chuyên ngành Điền kinh ngày càng giảm sút, thời gian học tập chương trình liên tục thay đổi, xu hướng cần Huấn luyện viên, hướng dẫn viên và giảng viên Điền kinh của xã hội. Những điều này đã ảnh hưởng đến công tác đào tạo cử nhân chuyên ngành Điền kinh của Trường.

**Từ khóa:** Các yếu tố ảnh hưởng, đào tạo cử nhân, chuyên ngành Điền kinh, Đại học TDTT Bắc Ninh

## Current status of factors affecting Bachelor's training in Athletics major at Bac Ninh Sports University

**Summary:** Using regular scientific research methods, we have determined the current status of factors affecting Bachelor's training in Athletics major at Bac Ninh Sports University. The factors included: current status of study subjects; current status of time allocation in the Bachelor of Athletics training program; current status of specialized teaching staff and current status of development trends and forecasts of human resource necessities. The results show that there is a decrease in the number of students registering to Athletics; the duration of the program is constantly changing, and the trend is coach-instructed training in Athletics. society. These things have affected the university's training of bachelor's majors in Athletics.

**Keywords:** Influencing factors, bachelor training, bachelor's degree, Athletics major, Bac Ninh Sports University.

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Trải qua hơn 60 năm xây dựng và phát triển, Bộ môn Điền kinh Trường Đại học Thể dục thể thao (TDTT) Bắc Ninh đã không ngừng lớn mạnh, góp phần tích cực vào công tác đào tạo chung của Nhà trường. Với 50 lớp chuyên ngành Điền kinh đại học chính quy và hàng chục lớp chuyên ngành hệ trung học, cao đẳng, hoàn thiện và tại chức, Bộ môn đã đào tạo được hàng trăm cán bộ TDTT cho đất nước. Sinh viên chuyên ngành tốt nghiệp đã có mặt ở hầu hết mọi miền Tổ quốc. Nhiều người trong số đó đã trở thành những cán bộ quản lý, lãnh đạo các sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, phụ trách các trung tâm, phòng chuyên môn, huấn luyện viên (HLV) đội tuyển các cấp hay trở thành những giảng viên, giáo viên TDTT cho các trường Đại học, Cao Đẳng, Trung học chuyên nghiệp, giáo viên Thể

dục các cấp học phổ thông trên toàn quốc. Sự phát triển của đất nước đã mang lại nhiều thuận lợi cho công tác đào tạo cán bộ của các trường, các ngành, song cũng đưa lại không ít những thách thức trong cơ chế thị trường đầy năng động của xã hội. Sản phẩm đào tạo của mỗi trường phải là những cán bộ có đầy đủ trình độ, năng lực chuyên môn giỏi, có đạo đức tốt để đáp ứng với những yêu cầu ngày càng cao của sự phát triển đất nước và nhu cầu của xã hội. Xuất phát từ những lý do nêu trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: “Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới đào tạo cử nhân chuyên ngành Điền kinh Trường Đại học TDTT Bắc Ninh”.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi đã sử dụng các phương pháp: Phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp

<sup>(1)</sup>TS, <sup>(2)</sup>ThS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

chuyên gia; Phương pháp điều tra xã hội học và Phương pháp toán học thống kê.

### **KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN**

#### **1. Thực trạng số lượng dự thi tuyển chuyên ngành Điền kinh Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh**

Trong nhiều năm qua, lượng thí sinh đăng ký thi tuyển vào Trường Đại học TDTT Bắc Ninh thường cao hơn so với các cơ sở đào tạo TDTT khác trên cả nước. Nếu như trước đây, số lượng thí sinh đăng ký dự thi vào trường lên tới khoảng 10.000 em, thì 3 năm trở lại đây con số

này chỉ còn sấp xỉ 500 em. Đối với chuyên ngành Điền kinh trước đây số lượng thí sinh đăng ký dự thi vào trường lên tới khoảng 1000 em, thì 3 năm trở lại đây con số này chỉ còn dưới 50 em.

Do tính quần chúng rộng lớn đã tạo ra môi trường công tác thuận lợi của môn Điền kinh nên số lượng thí sinh đăng ký thi tuyển vào chuyên ngành Điền kinh tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh luôn có sinh viên đăng ký. Điều này được thể hiện tại bảng 1.

**Bảng 1. Số lượng thí sinh đăng ký dự thi tuyển chuyên ngành Điền kinh của Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh trong những năm gần đây**

TT	Năm tuyển sinh	Tổng số thí sinh đăng ký thi tuyển vào trường	Tổng số thí sinh đăng ký thi chuyên ngành Điền kinh	Tỷ lệ %
1	2008	6482	556	8.60
2	2009	5672	584	10.30
3	2010	3645	326	8.90
4	2011	3252	284	8.70
5	2012	1904	203	10.70
6	2013	1715	195	11.40
7	2014	1308	150	11.50
8	2015	821	67	8.20
9	2016	624	48	7.60

Qua bảng 1 cho thấy, những năm gần đây số lượng thí sinh thi tuyển vào trường có sự giảm sút đáng kể, từ 6482 thí sinh (năm 2008) giảm xuống còn 624 thí sinh (năm 2016). Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, song một nguyên nhân quan trọng nhất là do số cơ sở đào tạo trình độ đại học về TDTT ngày càng nhiều và nhu cầu cán bộ trong cơ quan sự nghiệp ngày càng giảm. Tất cả các cơ sở đào tạo trên cho dù nhiều hay ít đã thu hút phần lớn thí sinh ở các địa phương lân cận làm ảnh hưởng rất nhiều đến nguồn thí sinh tham gia thi tuyển vào Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Số lượng thí sinh đăng ký thi tuyển vào Điền kinh luôn chiếm vị trí từ thứ 1 đến thứ 3 qua các năm và tương đối ổn định ở tỷ lệ từ 8,2% - 11,5%. Tuy nhiên gần đây số lượng thí sinh thi tuyển vào chuyên ngành Điền kinh sụt giảm rõ rệt có thể do chương trình đào tạo nội dung chưa phong phú, chưa phù hợp với nhu

cầu của xã hội...

#### **2. Thực trạng phân phối thời gian chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Điền kinh Trường Đại học TDTT Bắc Ninh**

Việc xây dựng các chương trình giảng dạy chuyên ngành phụ thuộc vào kế hoạch đào tạo của Nhà trường, đồng thời phụ thuộc vào các yếu tố: Mục tiêu đào tạo; Thời gian thực hiện chương trình; Đối tượng áp dụng; Các điều kiện phục vụ (cơ sở vật chất, tài liệu giảng dạy, v.v...). Kết quả thống kê thời gian học môn chuyên ngành Điền kinh trong chương trình đào tạo giai đoạn 2008-2019 được trình bày tại bảng 2.

Qua bảng 2 cho thấy: Giai đoạn 2008-2019, Nhà trường đã có 4 lần thay đổi kế hoạch, chương trình đào tạo. Điều này xuất phát từ yêu cầu đổi mới công tác đào tạo của nhà trường trong mỗi giai đoạn cụ thể, song sự thay đổi liên tục chương trình giảng dạy như trên cũng phần nào làm mất đi tính ổn định của công tác đào tạo của nhà trường.

**Bảng 2. Phân phối thời gian học tập môn chuyên ngành Điền kinh Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh giai đoạn 2008-2019**

TT	Ngành học	Năm bắt đầu	Đối tượng (Khóa)	Thời gian học (kỳ)	Tổng số kỳ học	Tổng số giờ
1	GDTC	2008	44 - 45	Từ kỳ 4 đến kỳ 7	4	240
2		2010	46 đến 50	Từ kỳ 1 đến kỳ 7	7	420
3		2015	Từ K51- 54	Từ kỳ 3 đến kỳ 7	5	330
4		2019	K55	Từ kỳ 1 đến kỳ 7	7	525
5	HLTT	2008	44 - 45	Từ kỳ 4 đến kỳ 7	4	240
6		2010	46 đến 50	Từ kỳ 1 đến kỳ 7	7	420
7		2015	Từ K51- 54	Từ kỳ 3 đến kỳ 7	5	330
8		2019	K55	Từ kỳ 1 đến kỳ 7	7	525

Sự thay đổi liên tục chương trình giảng dạy môn thể thao chuyên ngành đã làm ảnh hưởng đến công tác tổng kết việc thực hiện chương trình của các bộ môn, dẫn đến chưa đúc kết được những điểm mạnh của chương trình cũ để phát huy hoặc loại bỏ mặt còn hạn chế khi thực hiện chương trình cũ để áp dụng cho chương trình mới.

Sự thay đổi kế hoạch, chương trình đào tạo trong những năm qua luôn đi kèm với sự thay đổi về thời lượng học tập các nội dung của mỗi chương trình. Điều này được thể hiện ở 2 bảng 3 và 4, bảng phân phối thời gian cho nội dung và hình thức đào tạo.

Qua bảng 3 và 4 cho thấy: Chương trình giảng dạy cho đối tượng sinh viên chuyên ngành Điền kinh, Bộ môn đã sắp xếp tương đối toàn diện các hình thức giảng dạy để trang bị cho sinh viên từ kiến thức đến kỹ năng cần thiết, đảm bảo sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm công tác chuyên môn của mình. Việc trang bị kiến thức cho sinh viên thông qua các giờ lên lớp lý thuyết thường chiếm từ 11 - 20% và qua hình thức thảo luận chiếm từ 2.6 - 3.0% tổng thời lượng của mỗi chương trình. Các kỹ năng chuyên môn được chú trọng hơn cả với thời lượng chiếm từ 62 - 75.8% và các kỹ năng thực hành phương pháp sư phạm và tổ chức thi đấu trọng tài cũng được dành từ 10.3% đến 19% thời gian trên tổng thời gian học tập.

Tuy được tăng số giờ học chuyên môn nhưng số giờ thực tập của các em vẫn hạn chế. Để khắc phục tình trạng này, chương trình môn học năm 2018, Bộ môn đã tăng tỷ lệ số giờ thực tập giáo

án giảng dạy cho sinh viên với tổng số giờ là 70 giờ và giảm bớt số giờ tập luyện các nội dung khác như chiến thuật và thi đấu. Điều này cho thấy sự ưu tiên trang bị kỹ thuật, thể lực cho sinh viên chuyên ngành Điền kinh. Việc tăng số lượng giờ học của đối tượng học nhằm đảm bảo thời gian giúp sinh viên tiếp thu có chất lượng các kỹ thuật của môn học để sau này có thể thực hiện nhiệm vụ giảng dạy chuyên môn tốt hơn cho các đối tượng khác.

### **3. Thực trạng đội ngũ giảng viên giảng dạy chuyên ngành Điền kinh Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh**

Về đội ngũ giảng viên giảng dạy chuyên ngành Điền kinh luôn đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo của Nhà trường và của khoa, thường xuyên được tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tham gia giảng dạy, tổ chức, trọng tài, các giải đấu lớn, có kinh nghiệm, có chuyên môn, luôn cập nhật thông tin, ứng dụng khoa học, đổi mới phương pháp dạy học đảm bảo giờ học, kỳ học, khóa học cho đối tượng học có chất lượng về nội dung chuyên ngành, các giảng viên tham gia giảng dạy đều có trình độ từ Thạc sĩ trở lên, các giảng viên kiêm dạy có nhiều giảng viên có trình độ Tiến sĩ. Kết quả được trình bày tại bảng 5.

Qua bảng 5 cho thấy: Đội ngũ giảng viên giảng dạy có đủ số lượng và đảm bảo chuyên môn, hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy chuyên môn cho sinh viên chuyên ngành Điền kinh. Trong đó, số lượng giảng viên có trình độ Tiến sĩ chiếm tỷ lệ cao nhất với 53.85%, tiếp đến là giảng viên có trình độ Thạc sĩ với 38.46% và có 7.69% giảng

## BÀI BÁO KHOA HỌC

**Bảng 3. Bảng phân phối thời gian cho các hình thức học tập ở các chương trình giảng dạy chuyên ngành Điện kinh Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh**

Học kỳ		Thời gian phân phối cho các hình thức học tập																			
		Chương trình năm 2015										Chương trình năm 2018									
		Học phần	Tổng số giờ	Lý thuyết		Tập luyện		Thảo luận		Thực hành PP		Học phần	Tổng số giờ	Lý thuyết		Tập luyện		Thảo luận		Thực hành PP	
				Số giờ	Tỷ lệ %	Số giờ	Tỷ lệ %	Số giờ	Tỷ lệ %	Số giờ	Tỷ lệ %			Số giờ	Tỷ lệ %	Số giờ	Tỷ lệ %	Số giờ	Tỷ lệ %	Số giờ	Tỷ lệ %
1												75	15	20	58	77.3	2	2.6	0	0	
2												75	15	20	58	77.3	2	2.6	0	0	
3	1	60	6	10	52	86.7	2	3.3	0	0	1	75	15	20	58	77.3	2	2.6	0	0	
4	2	60	8	13.3	50	83.3	2	3.3	0	0	2	75	15	20	46	61.3	2	2.6	12	16	
5	3	60	8	13.3	40	66.7	2	3.3	10	16.7	3	75	15	20	42	56	2	2.6	16	21.3	
6	4	60	6	10	42	53.3	2	3.3	10	16.7	4	75	15	20	40	53.3	2	2.6	18	0.24	
7	5	90	8	8.9	66	73.3	2	2.2	14	15.6	5	75	15	20	24	32	2	2.6	24	32	
<b>Tổng</b>		<b>330</b>	<b>36</b>	<b>10.9</b>	<b>250</b>	<b>75.8</b>	<b>10</b>	<b>3</b>	<b>34</b>	<b>10.3</b>		<b>525</b>	<b>42</b>	<b>20</b>	<b>326</b>	<b>62</b>	<b>14</b>	<b>2.6</b>	<b>70</b>	<b>19</b>	

**Bảng 4. Phân phối thời gian cho các nội dung tập luyện trong các chương trình giảng dạy chuyên ngành Điện kinh Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh**

Học kỳ		Thời gian phân phối cho các nội dung tập luyện																			
		Chương trình năm 2015										Chương trình năm 2018									
		Học phần	Tổng số giờ	Kỹ thuật		Chiến thuật		Thể lực		Thi đấu		Học phần	Tổng số giờ	Kỹ thuật		Chiến thuật		Thể lực		Thi đấu	
				Số giờ	Tỷ lệ %	Số giờ	Tỷ lệ %	Số giờ	Tỷ lệ %	Số giờ	Tỷ lệ %			Số giờ	Tỷ lệ %	Số giờ	Tỷ lệ %	Số giờ	Tỷ lệ %	Số giờ	Tỷ lệ %
1											1	58	38	65.5	2	3.4	16	27.6	4	6.9	
2											2	58	38	65.5	0	0	18	31	2	3.4	
3	1	52	44	84.6	0	0	8	15.4	0	0	3	58	30	51.7	0	0	24	41.4	4	6.9	
4	2	50	44	88	0	0	6	12	0	0	4	46	24	52.2	2	4.3	20	43.5	0	0	
5	3	40	34	85	0	0	6	15	0	0	5	42	24	57.1	2	4.8	14	33.3	2	4.8	
6	4	42	0	0	38	87.5	4	12.5	0	0	6	40	20	50	2	5	16	40	2	5	
7	5	66	36	54.5	12	18.2	6	9.1	12	18.2	7	24	14	58.3	2	8.3	8	33.3	0	0	
<b>Tổng</b>		<b>250</b>	<b>158</b>	<b>63.2</b>	<b>50</b>	<b>20</b>	<b>30</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	<b>4.8</b>	<b>Tổng</b>	<b>326</b>	<b>188</b>	<b>57.7</b>	<b>10</b>	<b>3.1</b>	<b>116</b>	<b>35.6</b>	<b>14</b>	<b>4.3</b>	

**Bảng 5. Thực trạng đội ngũ giảng viên giảng dạy chuyên ngành Điền kinh Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh (n=13)**

TT	Năm công tác	Trình độ đào tạo		
		Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS.TS
1	Trên 5 năm	1		
2	Trên 10 năm	3	3	
3	Trên 15 năm	1	4	1
<b>Tổng</b>		<b>5</b>	<b>7</b>	<b>1</b>
<b>Tỷ lệ %</b>		<b>38.46</b>	<b>53.85</b>	<b>7.69</b>

**Bảng 6. Kết quả phỏng vấn đánh giá thực trạng xu hướng phát triển và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực cử nhân TĐTT chuyên ngành Điền kinh (n=35)**

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả phỏng vấn					Tổng điểm	Điểm trung bình
		Rất cần thiết	Cần thiết	Bình thường	Ít cần thiết	Không cần thiết		
<i>Xu hướng phát triển nguồn nhân lực cử nhân TĐTT chuyên ngành Điền kinh</i>								
1	Làm việc tại cơ quan nhà nước không chuyên về TĐTT	33	2	0	0	0	173	4.94
2	Làm việc tại các đơn vị, cơ sở nhà nước chuyên về TĐTT	35	0	0	0	0	175	5
3	Làm việc tại các cơ sở dịch vụ TĐTT tư nhân	35	0	0	0	0	175	5
<i>Dự báo nhu cầu nguồn nhân lực cử nhân TĐTT chuyên ngành Điền kinh</i>								
4	Huấn luyện viên Điền kinh	30	3	2	0	0	168	4.8
5	Giáo viên Điền kinh	31	2	2	0	0	169	4.83
6	Hướng dẫn viên Điền kinh	29	3	3	0	0	166	4.74

viên có học hàm PGS. Về thâm niên công tác, đa số giảng viên đều có thâm niên giảng dạy từ 10 năm trở lên. Bên cạnh đó, Bộ môn thường xuyên lập kế hoạch năm đề xuất cử các giảng viên tham gia học tập chuyên môn, nghiên cứu khoa học ứng dụng thực tiễn giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên chuyên ngành Điền kinh Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh.

**4. Thực trạng xu hướng phát triển và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực cử nhân chuyên ngành Điền kinh Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh**

Để tìm hiểu vấn đề này, chúng tôi thực hiện khảo sát bằng phiếu hỏi và phỏng vấn trực tiếp, gián tiếp đến 35 cán bộ quản lý tại các đơn vị cơ sở đang trực tiếp sử dụng lao động là cử nhân

TĐTT chuyên ngành Điền kinh. Phiếu hỏi được xây dựng theo thang đo Likert 5 mức. Kết quả được trình bày tại bảng 6.

Qua bảng 6 có thể thấy: Nguồn nhân lực cử nhân TĐTT chuyên ngành Điền kinh có xu hướng phát triển ở cả 3 loại hình công tác gồm: làm việc tại cơ quan nhà nước không chuyên về TĐTT, làm việc tại các cơ sở dịch vụ TĐTT tư nhân và làm việc tại các đơn vị, cơ sở nhà nước chuyên về TĐTT. Điều này được thể hiện khi cả 3 loại hình đều được các cơ sở sử dụng lao động đánh giá ở mức rất cần thiết. Về dự báo nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực là HLV Điền kinh; giáo viên Điền kinh và hướng dẫn viên Điền kinh đều được đánh giá ở mức rất cần thiết với số điểm đạt từ 4.74 -4.83 điểm.



**Công tác đào tạo cử nhân chuyên ngành Điền kinh luôn được nhà trường quan tâm và chú trọng**

**KẾT LUẬN**

Số lượng sinh viên đăng ký dự tuyển chuyên ngành Điền kinh ngày càng giảm sút. Việc thay đổi liên tục chương trình đào tạo và phân phối thời gian cho các hình thức giảng dạy và nội dung giảng dạy đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác tổng kết, đúc rút kinh nghiệm đồng thời làm mất đi tính ổn định trong công tác đào tạo của Nhà trường và đào tạo sinh viên chuyên ngành Điền kinh. Đội ngũ giảng viên đáp ứng số lượng và trình độ chuyên môn trong đào tạo cử nhân TĐTT chuyên ngành Điền kinh.

Huấn luyện viên, hướng dẫn viên và giáo viên là những vị trí công tác mà xã hội đang có xu hướng cần trọng các cơ quan nhà nước không chuyên về TĐTT, các đơn vị, cơ sở nhà nước chuyên về TĐTT và tại các cơ sở dịch vụ TĐTT tư nhân.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Chỉ thị số 40/CT-TW ngày 15/6/2004 về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW khóa XI ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

3. Phạm Đình Bẩm (2005), *Một số vấn đề cơ bản về quản lý Thể dục thể thao*, sách chuyên khảo dành cho chuyên ngành quản lý TĐTT bậc sau đại học, Nxb TĐTT, Hà Nội.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành tại quyết định số 17/2014/VBHN-BGD&ĐT ngày 15/5/2014*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.

5. Bộ Thông tin và Truyền thông (2014), *Quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, theo thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014*, Bộ Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

**(Bài nộp ngày 11/10/2023, Phản biện ngày 20/11/2023, duyệt in ngày 30/11/2023  
Chịu trách nhiệm chính: Vũ Quỳnh Như  
Email: vuquynhnhu101975@gmail.com)**